TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN N** **TP. Đ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22-11-2018
V/v: *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N TP Đ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Công Hoan**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Bá Quý**
Ông **Nguyễn Dũng**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Vũ Thị Bích Hậu –** Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố Đ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N tham gia phiên tòa:*** Bà **Bùi Thị Thúy Liên –** Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/7/2018, về việc: *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐST- HNGĐ ngày 23/10/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 22/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08/11/2018, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn T. A -** Sinh năm 1990

Trú tại: Số 98 Trần T, quận S, Tp. Đ - Có mặt.

2. **Bị đơn:** Ông **Ngô V M -** Sinh năm 1988

Trú tại: Tổ 20, phường H, quận S, Tp. Đ - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn T. A trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông M kết hôn vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận S, TP Đ; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do ông M không có trách nhiệm, không quan tâm đến vợ con. Hiện nay, bà không thể tiếp tục sống chung với ông M được nữa và hai người đã sống ly thân từ năm 2017. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ngô V M.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Ngô H. M, sinh ngày: 30/8/2011. Ly hôn, do bà bị tai nạn phải phẫu thuật rất nhiều lần tại TP Hồ Chí M nên không thể trực tiếp nuôi con mà giao con Ngô H. M cho ông M trực tiếp nuôi con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi bà không có khả năng cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có

Sau khi nhận được đơn khởi kiện của bà Nguyễn T. A với nội dung như trên, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải. Tuy nhiên, ông M chỉ đến tòa án 1 lần trình bày bản tự khai và ký ngoặc ngẹo trong đó và không tham gia các phiên hòa giải. Do đó, Tòa án tiến hành không hòa giải được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án. Về người tham gia tố tụng: Cơ bản, đương sự đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Riêng ông Ngô V M không tuân theo triệu tập của Tòa án, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên ông phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện: "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* của bà Nguyễn T. A đối với ông Ngô V M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn, ông Ngô V M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Ngô V M theo thủ tục chung, ông M phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn T. A và ông Ngô V M kết hôn vào năm 2011 đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận S, TP. Đ, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

- *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn T. A và ông Ngô V M tồn tại nhưng không thực sự hạnh phúc. Bà Nguyễn T. A cho rằng, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do ông M không có trách nhiệm, không quan tâm đến vợ con. Hiện nay, bà không thể tiếp tục sống chung với ông M được nữa và hai người đã sống ly thân từ năm 2017. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ngô V M.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã động viên bà Nguyễn T. A về tiếp tục sống chung để cùng nhau nuôi dạy con chung và xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu kiên quyết xin được ly hôn đối với ông M.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức không thể hàn gắn được. Kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thông báo về phiên hòa giải. Tuy nhiên, ông M vẫn cố tình né tránh, không cung cấp lời khai, không tham gia các phiên hòa giải và đã vắng mặt hai lần liên tiếp tại phiên tòa. Điều đó chứng tỏ ông không có thiện chí níu kéo mối quan hệ hôn nhân của mình và mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức không thể hàn gắn được. Do đó, HĐXX xét thấy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho bà Nguyễn T. A được ly hôn với ông Ngô V M là thỏa đáng.

- *Về nuôi con chung:* Vợ chồng có 01 con chung tên là Ngô H. M, sinh ngày: 30/8/2011. Theo bà A trình bày, do bà bị tai nạn phải phẩu thuật rất nhiều lần tại TP Hồ Chí M đến nay vẫn đang còn điều trị và việc vận động, đi lại rất khó khăn, nên không thể trực tiếp nuôi con mà giao con Ngô H. M cho ông M trực tiếp nuôi con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi bà không có khả năng cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét nguyện vọng bà A thì thấy: Việc trông nom, nuôi dưỡng giáo dục con phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển thể chất và tinh thần cho các con. Hiện nay cháu Ngô H.M đang còn rất nhỏ và đang ở theo ông M, xét thấy không nên làm đảo lộn cuộc sống của cháu và cháu cũng đã có đơn trình bày nguyện vọng muốn được sống với ba và xét điều kiện sức khỏe, bệnh tật của bà A đang điều trị rất nặng. Do đó, cần giao con Ngô H.M cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi , bà A không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là thỏa đáng.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà A trình bày không có; ông M không có bản trình bày, nên HĐXX không có cơ sở giải quyết. Sau này nếu có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn T. A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 147, 227, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* của bà Nguyễn T. A đối với ông Ngô V M;

Tuyên xử:

[**1] Về hôn nhân**: Bà Nguyễn T. A được ly hôn ông Ngô V M.

[2] Về nuôi con chung: Giao con Ngô H.M, sinh ngày: 30/8/2011cho ông Ngô V M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn T. A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ly hôn, các bên có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập đến.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ bà Nguyễn T. A phải chịu. Nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 1720 ngày 12/7/2018, tại cơ quan Thi hành án dân sự quận N,TP Đ.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND QN;
- Thi hành án Q. N;
- UBND phường H
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu.

Trần Công Hoan